TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày 25/4/2022

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung;

2. Ông Nguyễn Tấn Bốn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/3/2022 và 25/4/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 07/3/2022, Thông báo sổ sung người tham gia tố tụng số 138/TB – TA ngày 31/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Lê Hùng H,** sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn PNH, xã TP, huyện ST, tỉnh QN.

- Bị đơn: **Ông Lê Vinh Q**, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn ĐT, xã NT, huyện TN, tỉnh QN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn HM, xã NH, huyện TN, tỉnh QN.

Ông H, ông Q có mặt; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Hùng H trình bày:

Ngày 05/10/2020, ông Lê Vinh Q có vay của ông Lê Hùng H số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), thời gian vay 02 tháng, đến ngày 05/12/2020 ông Q sẽ trả cho ông H nhưng không trả đúng hạn. Mặc dù, ông H nhiều lần liên lạc đòi nợ nhưng ông Q không chịu trả nợ. Ngày 09/7/2021, ông H có văn bản yêu cầu ông Q trả nợ nhưng ông Quang vẫn không thực hiện.

Nay, ông Lê Hùng H yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Vinh Q phải trả cho ông H số tiền nợ gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); ông H không yêu cầu ông Q trả tiền lãi.

- Tại bản trình bày ngày 22/10/2021, Biên bản lấy lời khai, Biên bản đối chất, Biên bản hòa giải ngày 30/12/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Vinh Q trình bày: Ngày 05/10/2020, cá nhân ông Q có viết giấy vay của ông Lê Hùng H số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) để chi tiêu cá nhân. Mặc dù trong giấy mượn tiền không ghi nội dung trả lãi nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất vay là 10%/tháng và lãi trả đầu tháng, nếu không trả gốc đúng hạn thì hàng tháng cứ trả lãi. Bị đơn đã trả lãi tổng cộng 35.000.000đ tiền lãi (7.000.000đ/tháng x 5 tháng lãi). Quá hạn vay theo thỏa thuận nhưng ông không có tiền trả nợ gốc, nên giữa ông và ông H thỏa thuận miệng đến ngày 16/01/2021 Âm lịch ông sẽ trả đủ 70.000.000 đồng cho ông H. Tuy nhiên, vào ngày 05/3/2021 (18/01/2021), ông H đã đến quán cà phê (quán TK) của ông ở địa chỉ: Tổ dân phố TTTC, phường TQT, thành phố QN, tỉnh QN lấy toàn bộ tài sản trong quán cà phê trong lúc ông không có mặt ở quán là vi phạm pháp luật.

Việc ông trả tiền lãi cho H 35.000.000 đồng và ông H đang giữ một số tài sản của ông, ông không yêu cầu yêu cầu xem xét giải quyết, ông chỉ trình bày cho Tòa biết.

Nay, ông H yêu cầu ông trả cho ông H số tiền gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), ông không đồng ý trả cho ông H vì lý do ông H đang giữ nhiều tài sản của ông.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/3/2022 - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị H trình bày: Bà và ông Q có tổ chức lễ cưới vào tháng 3/2019 nhưng không đăng ký kết hôn và không có con chung. Sau khi cưới bà và ông Q mở quán cà phê TK tại địa chỉ như ông Q trình bày. Việc ông Q mượn 70.000.000 đồng của ông H bà không biết, bà cũng không sử dụng số tiền này. Tháng 3/2021, ông Q bỏ trốn và ông H đến hỏi nợ thì bà mới biết số nợ nói trên, sau đó bà và gia đình ông Q giao một số tài sản trong quán cho ông H và ông V giữ theo giấy giao nhận tài sản ngày 05/3/2021.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ 70.000.000 đồng bà không có ý kiến, đối với số tài sản bà giao cho ông H và ông V giữ, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào nội dung giấy mượn tiền ngày 05/10/2020 thì bị đơn có vay nguyên đơn 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận việc vay của nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng đúng như nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, do nguyên đơn lấy tài sản của ông nên ông không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Vào ngày 05/10/2020, bi đơn có vay của nguyên đơn số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay 02 tháng, có viết giấy mượn tiền đề ngày 05/10/2020. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lê Vinh Q thường trú tại xã NT, huyện TN, tỉnh QN. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Tòa xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về đưa người tham gia tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 70.000.000 đồng và không yêu cầu gì khác. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản hiện nay nguyên đơn đang giữ của bị đơn khi đòi nợ tiền. Tòa chỉ giải quyết về quan hệ vay tài sản nên Tòa không đưa đầy đủ những người có liên quan đến việc thu giữ tài sản vào tham gia tố tụng là phù hợp, vì họ không liên quan đến quyền và nghĩa vụ trả nợ vay.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 05/10/2020 thể hiện ông Lê Vinh Q có mượn của ông Lê Hùng H số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay 02 tháng.

Cả nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất số tiền trên đến nay là chưa trả và vi phạm về thời hạn trả nợ. Bị đơn không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn với lý do hiện nay nguyên đơn đang giữ tài sản của bị đơn và bị đơn đang khiếu nại tố cáo, yêu cầu xử lý hình sự đối với bị đơn.

Xét khai nại của ông Q thì thấy rằng: Ngày 05/3/2021, bà Trương Thị H có lập giấy giao cho ông H, ông V giữ một số tài sản vật dụng dùng bán cà phê, sau đó ông Q có đơn khiếu nại gửi Công an thành phố Quảng Ngãi, Công an tỉnh Quảng Ngãi, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu xử lý ông H về hành vi giữ tài sản. Ngày 11/8/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi ra Quyết định số 42/CSĐT về Thông báo quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2021, ông Q trình bày hiện nay ông đang khiếu nại tố cáo, yêu cầu xử lý hình sự đối với ông Lê Hùng H về hành vi giữ tài sản của ông và cam đoan trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày 30/12/2021 ông sẽ nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc khiếu nại của ông đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác giải quyết. Nếu ông không nộp thì yêu cầu Tòa án cứ tiếp tục giải quyết vụ án tranh chấp nợ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến hết thời hạn 21 ngày nhưng ông Q không cung cấp được tài liệu nêu trên cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Do đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*, do ông Q vay tiền của ông H nhưng không trả khi đến hạn nên yêu cầu khởi kiện của ông H buộc ông Q phải trả cho ông H 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc là có căn cứ, cần phải chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi, nguyên đơn không có yêu cầu gì; bị đơn trình bày quá trình vay nợ có trả cho nguyên đơn 07 tháng tiền lãi, mỗi tháng 7.000.000đ, tổng cộng là 35.000.000đ; tuy nhiên, bị đơn không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Đối với các tài sản mà bà Trương Thị H có lập giấy giao cho ông Hiển, ông Vũ giữ vào ngày 05/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này, nên Tòa không xem xét giải quyết là phù hợp khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.500.000đ (70.000.000đ x 5%). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án án; vì vậy hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng H. Buộc ông Lê Vinh Q có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hùng H 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền Việt Nam.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Lê Vinh Q phải chịu 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Lê Hùng H 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000906 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo luật định.

5. Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hùng